

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Dược;

Chuyên ngành: Công nghệ dược phẩm và Bào chế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Hồng Vân

2. Ngày tháng năm sinh: 22/11/1987; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Hải Đường, Hải Hậu, Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 503B, 48A, Tăng Bạt Hổ, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 41 ngõ 45 Võ Chí Công, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0936028348;

E-mail: nguyen-hong.van@usth.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2012 đến 5/2018: Viện dược liệu.

Từ 6/2018 đến 9/2022: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

Từ 10/2022 đến 6/2025: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Địa chỉ cơ quan: A21, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: +84-2437916960.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

8. Đã nghỉ hưu: Chưa.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 7 năm 2011; số văn bằng: 051001466; ngành: Dược học, chuyên ngành: Đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 4 năm 2013; số văn bằng: 00750; ngành: Dược học; chuyên ngành: Công nghệ Dược phẩm – Bào chế; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 02 năm 2017; số văn bằng: 1615; ngành: Dược học; chuyên ngành: Dược học; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Ajou, Hàn Quốc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư, tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Dược học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu bào chế các hệ đưa thuốc nano.

- Nghiên cứu các phương pháp cải thiện sinh khả dụng của hoạt chất và bào chế các hệ đưa thuốc kiểm soát giải phóng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

- 01 đề tài cấp cơ sở;
- 01 đề tài cấp Viện Hàn lâm KHCNVN;

- Đã công bố 28 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín.

- Đã được cấp 01 bằng độc quyền sáng chế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Bản thân tự đánh giá đạt tiêu chuẩn của một nhà giáo.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo.

Tôi tự nhận thấy bản thân đạt được các yêu cầu sau về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại quyết định số 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 31 tháng 8 năm 2018.

Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật dưới bất kỳ hình thức nào; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

Đã có bằng Tiến sĩ từ năm 2017, đủ 03 năm trở lên theo quy định ở khoản 2 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

Đã tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên liên tục 7 năm học từ năm học 2018 đến nay tại Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội và Trường Đại học Y dược – Đại học Quốc gia Hà Nội, đạt yêu cầu khoản 3 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

Hoàn thành nhiệm vụ được giao, thực hiện đủ và vượt số giờ giảng chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong tất cả các năm học từ 2018 đến nay; thông tin cụ thể về số giờ giảng đã thực hiện của 6 năm học từ 2019 – 2020 đến 2024 - 2025 được trình bày ở mục 2 của bản đăng ký này (có minh chứng xác nhận của các Trường Đại học trong hồ sơ kèm theo).

Sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn, đạt tiêu chuẩn khoản 4, điều 4 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

Công bố kết quả nghiên cứu khoa học: Là tác giả chính của 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín được đăng sau khi được cấp bằng Tiến sĩ, và tác giả chính của 1 bằng sáng chế, đạt yêu cầu khoản 4 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: đã chủ nhiệm 02 đề tài khoa học công nghệ đã nghiệm thu, bao gồm 01 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp Viện Hàn lâm KHCNVN, đạt yêu cầu khoản 5 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

Hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh: Đã hướng dẫn chính 02 học viên được cấp bằng Thạc sĩ, đạt yêu cầu khoản 6 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

Các công trình khoa học được tính điểm quy đổi theo quy định tại điều 7 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg: đã công bố được 28 bài báo/báo cáo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế (danh sách ở mục 7.1.a của bản đăng ký này); đã được cấp 01 sáng chế trong nước (danh sách ở mục 7.2).

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019				01	221,36	13,8	235,16/305,66/270
2	2020-2021				09	221,2	13,8	235/383/270
3	2021-2022				03	274,73	47,6	322,33/412,83/270

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

03 năm học cuối								
4	2022-2023			02	03	89	101	190/464/192
5	2023-2024				02	277	120	397/494/192
6	2024-2025					289	91	380/543,4/240

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Hàn quốc năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: không

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

- Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,
- Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội;

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Không

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Đình Hải		HVCH	x		2022-2023	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	22/11/2023, số vào sổ 028/2023/ĐHK HCN-VB-ThS
2	Trần Xuân Anh		HVCH	x		2022-2023	Trường Đại học Khoa học	22/11/2023, số vào sổ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

						và Công nghệ Hà Nội	041/2023/ĐHK HCN-VB-ThS
--	--	--	--	--	--	------------------------	----------------------------

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS: không						
II	Sau khi được công nhận TS: không						

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN /PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS: không				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu bào chế hệ ethosome chứa rutin	CN	USTH.LS.01/24, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	3/2024- 12/2024	24/01/2025 Đạt
2	Nghiên cứu bào chế một số hệ vận chuyển thuốc tiên tiến chứa berberin	CN	THTETN.02/23-24, Viện Hàn lâm KHCNVN	1/2023- 12/2024	9/5/2025 Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
Các bài báo khoa học quốc tế uy tín								
1	Dual release and molecular mechanism of bilayered	3		International Journal of Pharmaceutics (0378-5173)	SCIE, 5.02, Q1	48	515, 233-244	10/2016

	aceclofenac tablet using polymer mixture							
2	Synthetic optimization of gelatin-oleic conjugate and aqueous-based formation of self-assembled nanoparticles without cross-linkers.	2	x	Macromolecular Research (2092-7673)	SCIE, 2.8, Q2	12	25 (5), 466-473	1/2017
Các bài báo khoa học trong nước								
3	Nghiên cứu tương quan <i>in vitro-in vivo</i> của viên nang giải phóng kéo dài chứa diltiazem.	4		Tạp chí Dược học (0866-7861)			425, 19-22	9/2011
4	Nghiên cứu bào chế hệ nano nhũ tương nhỏ mắt chứa diclofenac bằng phương pháp phân cắt tốc độ cao	4		Tạp chí Y dược học quân sự (1859-0748)			1, 7-12	1/2013
II Sau khi được công nhận TS								
Các bài báo khoa học quốc tế uy tín								
5	Protein corona: a new approach for nanomedicine design	2	X (tác giả đầu)	International journal of nanomedicine (1178-2013)	SCIE, 6.6, Q1	727	12, 3137-3151	4/2017
6	Fattigation-platform nanoparticles using apo-transferrin stearic acid as a core for receptor-oriented cancer targeting	2		Colloids and Surfaces B: Biointerfaces	SCIE, 6.6, Q1	26	159, 571-579	8/2017
7	Patient-centered drug delivery and its potential applications for unmet medical needs	5		Therapeutic delivery (2041-6008)	ESCI, 4.2, Q2	14	8(9), 775-790	8/2017
8	Modulation of serum albumin protein corona for exploring cellular behaviors of fattigation-platform nanoparticles	7	X (tác giả đầu)	.Colloids and Surfaces B: Biointerfaces (1873-4367)	SCIE, 5.4, Q1	53	170, 179-186	5/2018
9	The roles of short and long chain fatty acids on physicochemical properties and improved cancer	5		International Journal of Pharmaceutics (1873-3476)	SCIE, 5.4, Q1	22	2019, 124-135	4/2019

	targeting of albumin-based fattigation-platform nanoparticles containing doxorubicin							
10	Mechanistic understanding of salt-induced drug encapsulation in nanosuspension via acid-base neutralization as a nanonization platform technology to enhance dissolution rate of pH-dependent poorly water-soluble drugs	5		European Journal of Pharmaceutics and Biopharmaceutics (0939-6411)	SCIE, 4.8, Q1	18	154, 8-17	7/2020
11	Double-Controlled Release of Poorly Water-Soluble Paliperidone Palmitate from Self-Assembled Albumin-Oleic Acid Nanoparticles in PLGA in situ Forming Implant	8		International journal of nanomedicine (1178-2013)	SCIE, 6.6, Q1	8	16, 2819-2831	4/2021
12	Effect of pH adjustment and ratio of oppositely charged polymers on the mechanistic performance and sustained release of volatile perfume in interpolyelectrolyte complex microcapsules	9		International Journal of Pharmaceutics (1873-3476)	SCIE, 5.4, Q1	4	604, 120672	5/2021
13	Nanostructured lipid carriers and their potential applications for versatile drug delivery via oral administration	5	X (tác giả đầu và tác giả liên hệ)	OpenNano (2352-9520)	Scopus, 12.8, Q1	113	8, 100064	8/2022
14	Spray-dried solid lipid nanoparticles for enhancing berberine bioavailability via oral administration	3	X(tác giả đầu và tác giả liên hệ)	Current Pharmaceutical Design (1873-4286)	SCIE, 2.6, Q2	11	29, 3050-3059	10/2023
15	Roles of Fatty Acid Chain Length and Enzyme-Oriented Drug Controlled Release from pH-Triggering Self-Assembled Fatty Acid Conjugated	5		International journal of nanomedicine (1178-2013)	SCIE, 5.4, Q1	6	18, 7115-7131	11/2023

	Quetiapine Nanosuspensions							
16	Current advances and future perspectives of foggation technology in pharmaceutical sciences and drug delivery.	5		Journal of Pharmaceutical Investigation (2093-6214)	SCIE, 5.3, Q1	4	55, 15–32	6/2024
17	Berberine nanostructured lipid carriers by ultrasonication technique: initial study for skin and oral administration	3	X (tác giả đầu và tác giả liên hệ)	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology (2043-6262)	ESCI, 2.1, Q2		16, 015002	12/2024
18	Comparative stabilization mechanism of self-assembling foggated gelatin, micellar polyethylene glycol hexadecyl ether, and electrostatic interactive xanthan gum for aqueous labile decitabine	9		International Journal of Pharmaceutics (1873-3476)	SCIE, 6.4, Q1		675, 125551	4/2025
Các bài báo quốc tế khác								
19	Green fabrication of berberine nano lipid carriers by hot melt-ultrasonication method	3	X (tác giả đầu và tác giả liên hệ)	Engineering Technology Trends (2972-4848)			3(2)	6/2025
Các bài báo khoa học trong nước								
20	Current nanocarriers in therapeutic improvement of Andrographolide	2	X (tác giả đầu và tác giả liên hệ)	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (2615-9937)		1	64(3), 62-68	7/2022
21	Curcumin complex embedded in floating bead for gastric local treatment	2	X (tác giả đầu và tác giả liên hệ)	Journal of Medicinal Materials (1859-4735)			29(3), 185-192	4/2024
22	Binary ethosomes for enhancing skin delivery of rutin by solvent injection	3	X (tác giả đầu và tác	Journal of Medicinal Materials (1859-4735)			29(6), 377-384	12/2024

			giả liên hệ)					
23	Transferosome for skin delivery of <i>Centella asiatica</i> extract by thin film hydration	6	X (tác giả đầu và tác giả liên hệ)	Journal of Medicinal Materials (1859-4735)			30(2), 132-137	3/2025
24	Rutin ethosomes by sole solvent injection: preparation method, physical properties, drug loading, deformation and <i>in-vitro</i> membrane permeability	2	X (tác giả đầu và tác giả liên hệ)	Journal of Medicinal Materials (1859-4735)			30(3), 218-224	6/2025
Báo cáo khoa học được xuất bản toàn văn ở Hội thảo quốc tế								
25	Solid lipid nanoparticles containing berberine by spray-drying method	6	X (tác giả liên hệ)	Proceedings of BME 8, 2020, Vietnam (ISBN 978-3-030-75506-5)		3	315-324	8/2021
26	Enhancing <i>in vitro</i> bioavailability of berberine by incorporation of Beta-Cyclodextrin complex into solid dispersion system	5	X (tác giả liên hệ)	Proceedings of BME 8, 2020, Vietnam (ISBN 978-3-030-75506-5)			301-314	8/2021
27	Lipid based vesicles containing rutin: phytosome and niosome	5	X (tác giả liên hệ)	Proceedings of BME 8, 2020, Vietnam (ISBN 978-3-030-75506-5)		2	325-337	8/2021
28	Solid Dispersion for Enhancing Bioactive Effectiveness of Resveratrol: A Mini Review	4	X (tác giả liên hệ)	Proceedings of BME 9, 2022, Ho Chi Minh City, Vietnam (ISBN 978-3-031-44630-6)			333-347	10/2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 3 bài báo nghiên cứu là các bài số 8, 14, 17 và 2 bài tổng quan là các bài số 5, 13.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Quy trình bào chế hạt nano lipid rắn chứa berberin clorid dạng bột phun sấy	Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	10/06/2025	Tác giả chính	1

- Trong đó: Số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: 01 bằng độc quyền sáng chế.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Các tiêu chuẩn đều đủ theo quy định

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Hồng Vân